

DANH SÁCH HỌC SINH KHÓ KHĂN ĐƯỢC HỖ TRỢ
Năm học: 2024 - 2025

STT	HỌ TÊN	LỚP	Anh văn giao tiếp	Kỹ năng sống	Bảo hiểm y tế
1	Nguyễn Trần Thanh Trúc	8/9	1.800.000	720.000	884.520
2	Đặng Vĩnh Trụ	9/1	1.800.000	720.000	884.520
3	Đặng Huệ Mẫn	6/4	1.800.000	720.000	884.520
4	Chu Kim Ngọc	8/3	1.800.000	720.000	884.520
5	Lâm Thị Tuyết Ngân	8/10	1.800.000	720.000	884.520
6	Huỳnh Minh Chi	6/2	1.800.000	720.000	884.520
7	Nguyễn Huỳnh Thanh Ngân	7/3	1.800.000	720.000	884.520
8	Nguyễn Huỳnh Tuyết Nhi	7/3	1.800.000	720.000	884.520
9	Trần Bá Tước	7/2	1.800.000	720.000	884.520
10	Vương Khải Văn	6/1	1.800.000	720.000	884.520
11	Vương Thiếu Dung	6/1	1.800.000	720.000	884.520
12	Trần Như Ý	8/4	1.800.000	720.000	884.520
13	Trần Như Hào	8/4	1.800.000	720.000	884.520
14	Đinh Nguyễn Minh Nhật	9/6	1.800.000	720.000	884.520
15	Trần Anh Thư	6	1.800.000	720.000	884.520
16	Trần Anh Tú	8	1.800.000	720.000	884.520
17	Phan Nguyễn Thành Công	7/2	1.800.000	720.000	884.520



DANH SÁCH HỌC SINH KHÓ KHĂN ĐƯỢC HỖ TRỢ
Năm học: 2024 - 2025

STT	HỌ TÊN	LỚP	Anh văn giao tiếp	Kỹ năng sống	Bảo hiểm y tế
18	Trịnh Thế Bảo	7/2	1.800.000	720.000	884.520
19	Bùi Ngọc Mỹ	7/2	1.800.000	720.000	884.520
20	Trung Kim Yến	9/3	1.800.000	720.000	884.520
21	Trần Như Ý	8/4	1.800.000	720.000	884.520
22	Trần Kim Khánh	6/1	1.800.000	720.000	884.520
23	Trần Như Hào	8/4	1.800.000	720.000	884.520
24	Hồ Văn Minh	8/3	1.800.000	720.000	884.520
25	Minh Nhật	9/6	1.800.000	720.000	884.520
TỔNG			45.000.000	18.000.000	22.113.000



HIỆU TRƯỞNG

Đinh Phú Cường

